

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó  
Đội dân phòng; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu  
hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy,  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;*

*Căn cứ Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ  
trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu  
nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực  
lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;*

*Xét Tờ trình số 6396/TTr-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng  
tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng; trang bị phương tiện  
phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn  
tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 133/BC-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022  
của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng  
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó  
Đội dân phòng; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho  
lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các Đội dân phòng được Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập theo quy định;  
Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng.

2. Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức có liên quan.

**Điều 3. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng**

1. Đội trưởng Đội dân phòng: 20% lương tối thiểu vùng/người/tháng.
2. Đội phó Đội dân phòng: 15% lương tối thiểu vùng/người/tháng.
3. Hỗ trợ kiêm nhiệm

a) Trường hợp Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng đảm nhận chức danh khác có quy định được hưởng phụ cấp, bồi dưỡng, hỗ trợ bằng hoặc cao hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2 Điều này thì được hưởng 100% mức phụ cấp, bồi dưỡng, hỗ trợ của chức danh đó và 50% mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2 Điều này;

b) Trường hợp Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng đảm nhận nhiệm vụ khác có quy định được hưởng phụ cấp, bồi dưỡng, hỗ trợ thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2 Điều này thì được hưởng 100% mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2 Điều này và 50% mức phụ cấp, bồi dưỡng, hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm.

**Điều 4. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho 01 Đội dân phòng**

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an, cụ thể:

STT	Danh mục	Số lượng	Đơn vị	Niên hạn sử dụng
1	Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 04 kg	05	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
2	Bình khí chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 03 kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 06 lít	05	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
3	Đèn pin ( <i>độ sáng 200 lm, chịu nước IPX4</i> )	02	Chiếc	Hỏng thay thế
4	Rìu cứu nạn ( <i>trọng lượng 2 kg, cán dài 90 cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao</i> )	01	Chiếc	Hỏng thay thế
5	Xà beng ( <i>một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100 cm</i> )	01	Chiếc	Hỏng thay thế
6	Búa tạ ( <i>thép cacbon cường độ cao, nặng 5 kg, cán dài 50 cm</i> )	01	Chiếc	Hỏng thay thế
7	Kìm cộng lực ( <i>dài 60 cm, tải cắt 60 kg</i> )	01	Chiếc	Hỏng thay thế
8	Túi sơ cứu loại A ( <i>Theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế</i> )	01	Túi	Hỏng thay thế
9	Cáng cứu thương ( <i>kích thước 186 cm x 51 cm x 17 cm; tải trọng 160 kg</i> ).	01	Chiếc	Hỏng thay thế

**Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng; trang bị lần đầu phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Ngân sách cấp xã và nguồn huy động hợp pháp khác đảm bảo kinh phí bảo trì, sửa chữa, thay thế trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ sau khi trang bị lần đầu cho các Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện mua sắm phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo đúng chế độ, định mức quy định của pháp luật hiện hành theo lộ trình cụ thể như sau: Giai đoạn 2023 - 2025 trang bị cho các xã, phường, thị trấn thuộc 09 huyện đồng bằng và các thôn, tổ dân phố thuộc 06 thị trấn và 03 xã trung tâm của 09 huyện miền núi. Sau năm 2025 trang bị cho các thôn còn lại.

c) Ban hành quy chế quản lý, sử dụng trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an, đảm bảo phát huy hiệu quả sử dụng phương tiện sau khi được trang bị.

d) Chỉ đạo Công an tỉnh nghiên cứu lồng ghép hoạt động của Đội dân phòng với các tổ chức tham gia bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở nhằm tinh gọn về tổ chức; thống nhất, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo và phát huy tối đa hiệu quả hoạt động trong thực hiện các nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống thiên tai, đảm bảo an ninh trật tự tại cơ sở.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2022./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: Công an, Tài chính, Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- BTVTU, TT HĐND, UBND tỉnh,
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Việt Cường**